TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/06/2019.
Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Tấn Đạt

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2019/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXX-HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971 (vắng mặt không lý do).

Cùng địa chỉ ấp B, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/02/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn C (sau đây gọi tắt là bà N, ông C) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang ngày 22/02/2006. Vợ

chồng chung sống được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông C thường bỏ nhà đi khoảng 5 – 6 tháng có khi cả năm mới về nhà một lần, mỗi lần về nhà ông C thường hay kiếm chuyện đánh bà N. Hiện bà N và ông C đã ly thân từ tháng 06/2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, bà N yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà N và ông C có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 2000, giới tính nữ, con đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông C không có mặt và cũng có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (phô tô); Đơn xin xác nơi cư trú của ông Nguyễn Văn C; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn; Giấy khai sinh tên Nguyễn Thị Như Ý và Đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 20/5/2019 của bà Nguyễn Thị N.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn C được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn C cũng không có ý kiến hoặc yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân*:* Hôn nhân giữa bà N với ông C là hợp pháp. Tại phiên tòa bà N trình bày lý do xin ly hôn là do trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông C thường bỏ nhà đi khoảng 5 – 6 tháng mới về nhà một lần, thậm chí có khi cả năm mới về. Mỗi lần về ông C thường hay kiếm chuyện đánh bà N.

Có mặt tại phiên tòa, con chung của bà N và ông C là chị Nguyễn Thị Như Ý cũng xác nhận thường xuyên chứng kiến cảnh cha ruột là ông C hành hạ đánh đập mẹ là bà N, có lần chị Như Ý can ngăn còn bị ông C đánh trúng làm trật cả

tay của chị Như Ý.

Theo đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 20/5/2019 của bà Nguyễn Thị N được chính quyền địa phương và UBND xã Vĩnh Hòa xác nhận thì trong thời gian chung sống bà N và ông C thường xảy ra mâu thuẫn, ông C không quan tâm đến vợ con.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích động viên hàn gắn nhưng bà N kiên quyết xin ly hôn với ông C cho thấy tỉnh cảm vợ chồng giữa bà N đối với ông C không còn, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận cho ly hôn giữa bà N và ông C.

[3]. Về con chung: Bà N và ông C có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 2000, đã trưởng thành, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về chia tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, tại biên lai thu số 0000817 ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Bà N và ông C có 01 người con chung tên Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 2000, giới tính nữ, đã trưởng thành, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về chia tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số 0000817

ngày 20/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng;*
- *Cơ quan Thi hành án Dân sự H. U Minh Thượng;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh